TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-PT
Ngày: 26-5-2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Khanh và ông Nguyễn Trọng Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Lò Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2023/TLPT-DS ngày 02/02/2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2023/QĐ-PT ngày 03/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2023/QĐ-PT ngày 27/4/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 55/2023/TB-TA ngày 12/5/2023 giữa các đương sự:

*1. **Nguyên đơn***: Bà Lò Thị C; địa chỉ: Đội A, bản H, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu L - Sinh năm: 1978; Địa chỉ: Tổ 09, phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị Ng; địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố 05, phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thanh H; Nơi đăng ký NKTT: Xóm B, thôn Minh Đức, xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

(Bà C, Ông L, Bà Ng có mặt, Bà H vắng mặt có lý do).

4. Người kháng cáo bà Lò Thị C là nguyên đơn trong vụ án; Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lò Thị C và người đại diện theo ủy quyền của Bà C trình bày:

Ngày 22/6/2017, bà Lò Thị C có vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam số tiền 1,5 tỷ đồng được Ngân hàng giải ngân vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Thanh H là kế toán của bà Vũ Thị Ng, sau khi giải ngân xong Bà H có đưa lại cho Bà C 1,3 tỷ đồng, còn 200 triệu đồng trong tài khoản Bà H đã rút đưa cho bà Vũ Thị Ng. Bà Ng cũng đã thừa nhận số tiền trên Bà Ng lấy từ Bà H. Từ đó cho đến nay Bà Ng không trả cho Bà C. Nay Bà C yêu cầu Bà Ng có trách nhiệm trả cho Bà C số tiền 200 triệu đồng. Bà C không yêu cầu Bà Ng trả lãi.

Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án ngày 15/12/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Vũ Thị Ng trình bày:

Trước ngày 22/6/2017, Bà C có vay của Bà Ng số tiền 200 triệu đồng, do quan hệ giữa Bà C và Bà Ng lúc đó không có khúc mắc gì với nhau, mọi việc giữa hai bên rất tin tưởng lên khi đưa tiền cho Bà C vay Bà Ng không làm giấy tờ gì. Chính vì vậy khi Bà C nhờ chuyển tiền vào tài khoản của Bà H thì Bà Ng cũng chỉ đòi bằng miệng, đồng thời Bà C cũng trả Bà Ng số tiền vay là xong. Bà Ng khẳng định không nợ Bà C số tiền 200 triệu đồng nên Bà Ng không phải có nghĩa vụ trả số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày

Bà H làm kế toán cho Công ty Đức Đoàn do bà Vũ Thị Ng làm giám đốc, Bà H không nhớ ngày tháng mà chỉ nhớ năm 2017 Bà Ng có nhờ chuyển tiền vào tài khoản của Bà H số tiền 1,5 tỷ đồng, Bà Ng không nói nguồn gốc số tiền, ngay sau khi ngân hàng giải ngân Bà Ng có bảo Bà H đưa cho bà Lò Thị C số tiền 1,3 tỷ đồng, Bà H có viết giấy giao nhận tiền này với Bà C. Bà H đã cầm bản chính giao nhận tiền trên giao lại cho Bà Ng, còn 200 triệu đồng Bà H đưa cho Bà Ng. Số tiền 200 triệu đồng Bà H đưa cho Bà Ng không có biên bản giao nhận mà chỉ ghi vào sổ thu, chi của Công ty và Bà Ng có ký nhận vào sổ. Không có ai chứng kiến nhưng có kế toán trưởng là bà Châu biết và theo dõi kiểm tra sổ sách.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên Quyết định:

1. Về áp dụng pháp luật:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117, 119, 166, 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lò Thị C về việc buộc bà Vũ Thị Ng có nghĩa vụ trả cho bà Lò Thị C số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

2.2. Về án phí: Bà Lò Thị C chịu 10.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là: 5.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001896 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Bà C còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 03/01/2023, nguyên đơn Bà C kháng cáo, ngày 04/01/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Trước khi mở phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên thay đổi nội dung kháng nghị, nguyên đơn sửa đổi nội dung kháng cáo từ hủy bản án sơ thẩm thành sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, xác định lại quan hệ tranh chấp và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lò Thị C.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin vắng mặt từ cấp sơ thẩm, tại phiên tòa các đương sự không có ý kiến gì về sự vắng mặt của những người này căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên:

1. Về tố tụng: Đại diện VKSND tỉnh Điện Biên nhận xét quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng

dân sự.

2. Về nội dung: Đơn kháng cáo của nguyên đơn hợp lệ, Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS ngày 04/01/2023 và Quyết định sửa đổi Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS ngày 04/01/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Kháng cáo, kháng nghị về xác định quan hệ tranh chấp: Bà C không cho Bà Ng vay tiền mà Bà Ng giữ lại tiền của Bà C, Bà C khởi kiện yêu cầu Bà Ng trả số tiền 200 triệu đồng vì vậy cần xác định quan hệ tranh chấp là *"Kiện đòi tài sản"* theo khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự việc Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tiền"* theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là không đúng nên kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ là có căn cứ, đúng pháp luật. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật nhưng đã xác định tư cách tham gia tố tụng, thẩm quyền xét xử đúng quy định; Toà án cấp sơ thẩm thu thập tài liệu chứng cứ đảm bảo theo quy định tại chương VII của Bộ luật tố tụng dân sự nên cần chấp nhận sửa bản án sơ thẩm về quan hệ pháp luật tranh chấp và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Trước khi mở phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của Bà C đề nghị Hội đồng xét xử đưa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Điện Biên, ông Trần Anh Đức và bà Tạ Thị Thành Bắc tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xét thấy Bà C đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng không liên quan đến vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của VKSND thành phố Điện Biên Phủ, kháng cáo của nguyên đơn sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: Xác định lại quan hệ tranh chấp là *"Kiện đòi tài sản*" theo khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Bà Ng có trách nhiệm trả lại cho Bà C số tiền 200 triệu đồng. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Lò Thị C, kháng nghị của Viện kiểm sát, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về tố tụng:

***[1.1]. Xét đề nghị bổ sung thêm người tham gia tố tụng của nguyên đơn*:** Tại văn bản đề ngày 04/5/2023, Bà C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đưa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Điện Biên, ông Trần Anh Đức và bà Tạ Thị Thành Bắc tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy việc tranh chấp số tiền 200 triệu đồng tuy xuất phát từ việc Bà C vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Điện Biên số tiền 1,5 tỷ đồng, nhưng số tiền này đã được Ngân hàng giải ngân cho Bà C thông qua tài khoản của bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Trần Anh Đức và bà Tạ Thị Thành Bắc là người đã dùng tài sản của mình cùng tài sản của Bà C để đảm bảo cho khoản vay 1,5 tỷ đồng của Bà C, khoản vay này các bên đã thanh lý hợp đồng, không có tranh chấp gì về việc giải ngân, thế chấp và thanh lý hợp đồng nên việc Bà C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đưa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Điện Biên, ông Trần Anh Đức và bà Tạ Thị Thành Bắc tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết, Hội đồng xét xử nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận đề nghị này của nguyên đơn.

[1.2]. Xét về thủ tục, nội dung kháng cáo, kháng nghị:

[1.2.1]. Về thủ tục kháng cáo, kháng nghị:

Ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tuyên bản án sơ thẩm số 04/2022/DS-ST. Ngày 04/01/2023, Bà C nộp cho Tòa án biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm; ngày 04/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS. Theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 276, 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo của Cương và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ là hợp lệ được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2.2]. Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn kháng cáo, Viện kiểm sát thành phố Điện Biên Phủ kháng nghị toàn bộ bản án đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên với các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bà C. Trước khi mở phiên tòa, Viện Viện kiểm sát thành phố Điện Biên Phủ, nguyên đơn sửa đổi nội dung kháng cáo, kháng nghị từ hủy bản án sơ thẩm thành đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, xác định lại quan hệ tranh chấp là *"Kiện đòi tài sản"* và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc thay đổi, bổ sung nội dung kháng nghị, kháng cáo không vượt quá phạm vi kháng cáo, kháng nghị ban đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3]. Xét kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ về việc cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án Bà C cho rằng số tiền 200 triệu đồng Bà C đòi Bà Ng không phải là tiền Bà C cho Bà Ng vay mà là Bà Ng chiếm giữ của Bà C, còn Bà Ng lại cho rằng đây là tiền Bà C trả cho Bà Ng thông qua hợp đồng vay tài sản bằng miệng giữa hai bên. Bà C và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là không đúng bản chất của vụ việc mà phải xác định đây là vụ án "Tranh chấp kiện đòi tài sản" theo khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015. Trên cở sở xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại Hội đồng xét xử thấy rằng có căn cứ để xác định giữa Bà C và Bà Ng có sự thỏa thuận về việc Bà Ng nhận số tiền 200 triệu đồng từ Bà H trong khoản tiền 1,5 tỷ đồng Bà C vay của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Điện Biên, Bà Ng không chiếm giữ trái pháp luật số tiền 200 triệu đồng như ý kiến của Bà C và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ nhận định trong đơn kháng cáo và kháng nghị vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ và chính xác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát thành phố Điện Biên Phủ, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Kiện đòi tài sản".

[1.4]. Xét kháng cáo của nguyên đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát thành phố Điện Biên Phủ về việc sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trên cơ sở lời khai của Bà C và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử khẳng định giữa Bà C và Bà Ng có mối quan hệ làm ăn với nhau, do phải cần khoản tiền 1,5 tỷ đồng nhưng tài sản của Bà C không đủ để thế chấp cho khoản vay này mà chỉ đủ để vay số tiền 1.230.000.000 đồng nên giữa Bà Ng và Bà C đã thỏa thuận Bà Ng dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của con trai Bà Ng là Trần Anh Đức thế chấp cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Điện Biên để cho Bà C vay đủ số tiền 1,5 tỷ đồng. Ngày 22/6/2017 ngân hàng đã giải ngân số tiền 1,5 tỷ đồng vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Thanh H là kế toán của Công ty Đức Đoàn do bà Vũ Thị Ng làm giám đốc, sau khi rút toàn bộ số tiền 1,5 tỷ đồng, Bà H có đưa cho Bà C 1,3 tỷ đồng Bà C đã ký giấy nhận (BL 22), còn 200 triệu đồng Bà H đưa cho Bà Ng, Bà Ng thừa nhận đã nhận số tiền 200 triệu đồng từ Bà H. Đối với số tiền 200 triệu đồng này Bà Ng cho rằng đây là tiền Bà Ng đòi Bà C do trước đó Bà C có vay nợ của Bà Ng hai bên không viết giấy mà chỉ thỏa thuận bằng miệng, còn Bà C cho rằng đây là số tiền Bà Ng chiếm giữ trái phép của Bà C bởi các lý do sau: Khi vay số tiền 1,5 tỷ đồng, Bà C chỉ có đủ tài sản để vay số tiền 1.230.000.000 đồng, nên Bà Ng đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên con trai Bà Ng để thế chấp ngân hàng vay 270 triệu đồng cho đủ số

tiền 1,5 tỷ đồng mà Bà C cần vay, khi ngân hàng giải ngân vào tài khoản của Bà H và được Bà H gọi ra lấy tiền, khi Bà H đưa cho Bà C số tiền 1,3 tỷ đồng mà không phải 1,5 tỷ đồng như Bà C đã vay ngân hàng thì Bà C cho rằng Bà Ng đã lấy lại số tiền 200 triệu đồng trong số 270 triệu đồng là tài sản con trai Bà Ng thế chấp nên đã đồng ý nhận số tiền 1,3 tỷ đồng và không có ý kiến gì khi tất toán hợp đồng này Bà C đã trả số tiền 1.230.000.000 đồng còn Bà Ng trả số tiền 270 triệu đồng cho ngân hàng, đối trừ đi số tiền 200 đồng triệu Bà Ng nhận từ Bà H thì Bà C còn nợ Bà Ng 70 triệu đồng, sau khi Bà C nhận 1,3 tỷ đồng trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng vay với ngân hàng cũng như sau khi thanh lý với ngân hàng hai bên không có ý kiến gì về khoản tiền 200 triệu đồng này, do Bà Ng đã khởi kiện đòi Bà C phải gốc và lãi của số tiền 270 triệu đồng và được Tòa án thành phố Điện Biên Phủ thụ lý, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Ng buộc Bà C phải trả cho Bà Ng số tiền gốc 270 triệu đồng và lãi theo bản án số 08/2022/DS-ST ngày 22-4-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, do vậy Bà C mới khởi kiện yêu cầu Bà Ng phải trả cho Bà C số tiền 200 triệu mà Bà Ng đã nhận từ Bà H. Bà C không vay của Bà Ng nên không chấp nhận việc Bà Ng cho rằng số tiền 200 triệu đồng là tiền Bà C trả cho Bà Ng, cũng không phải là tiền Bà C cho Bà Ng vay nên không có giấy vay tiền.

Việc Bà Ng nhận số tiền 200 triệu đồng từ Bà H là có thực đã được Bà Ng xác nhận, tuy nhiên các bên đang tranh chấp về việc số tiền này là tiền Bà C trả nợ Bà Ng hay là tiền Bà Ng chiếm giữ trái phép của Bà C như ý kiến của các bên. Bà C cho rằng số tiền này là Bà Ng chiếm giữ trái phép (BL 02), tuy nhiên trên cơ sở lời khai của Bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Bà Ng và Bà C có biết và thỏa thuận với nhau về khoản tiền Bà C vay 1,5 tỷ đồng, cụ thể đã thống nhất để ngân hàng giải ngân vào tài khoản của Bà H số tiền này, ngay sau khi tiền về tài khoản của mình Bà H đã rút một lần toàn bộ số tiền 1,5 tỷ đồng ra đưa cho Bà C 1,3 tỷ đồng và cầm 200 triệu đồng về cho Bà Ng. Việc Bà H cầm 200 triệu đồng về cho Bà Ng thực chất là đã có sự thống nhất giữa Bà C và Bà Ng điều này được thể hiện tại các biên bản lấy lời khai của Bà H "… vào năm 2017 Bà Ng có nhờ chuyển vào tài khoản của tôi số tiền 1,5 tỷ đồng và có nhờ tôi đi rút. Bà Ng không nói cho tôi biết nguồn gốc số tiền trên, ngay buổi chiều hôm chuyển tiền tôi đã chuyển toàn bộ số tiền trên về Bà Ng có bảo tôi đưa cho Bà C 1,3 tỷ đồng, tôi có viết giấy giao nhận tiền với Bà C. Tôi đã cầm bản chính giao nhận tiền trên về đưa lại cho Bà Ng, còn số tiền 200 triệu đồng còn lại tôi mang về cho Bà Ng" BL 55 và lời khai "…Sau khi số tiền trên vào tài khoản của tôi như trên tôi và con dâu Bà C ngồi chờ và rút tiền (rút hết 1,5 tỷ) sau đó tôi Huyền viết giấy giao tiền cho chị Hằng cầm về cho Bà C, nhưng chị Hằng nói thôi chị viết tên mẹ em là bà Lò Thị C lát nữa mẹ em ra mẹ em lấy tiền và ký nhận, khoảng 05 phút sau Bà C đi xe ô tô ra nhận số tiền 1,3 tỷ và có ký nhận (tôi còn lưu giấy tờ) còn lại 200 triệu tôi về bàn giao cho Bà Ng" (BL 62). Nội dung giấy giao số tiền 1,3 tỷ đồng đã được chị Huyền viết trước khi Bà C đến nhận tiền, chứ không phải sau khi Bà C đến hai bên trao đổi rồi mới giao tiền và viết giấy như Bà C khai nhận. Lời khai này của Bà H hoàn toàn phù hợp với lời khai của Bà Ng về việc khi được giải ngân số tiền 1,5 tỷ đồng Bà Ng đã

bảo Bà H giao cho Bà C 1,3 tỷ đồng còn lại 200 triệu đồng đưa cho Bà Ng để trừ khoản tiền 200 triệu đồng Bà C nợ Bà Ng. Việc Bà H giao tiền cho Bà C và con dâu được thực hiện ngay tại ngân hàng, nên Bà C cho rằng Bà Ng cấu kết với Bà H bảo Bà H đưa cho Bà Ng số tiền 200 triệu đồng là không có căn cứ, Bà C hoàn toàn có quyền đòi nhận đủ số tiền 1,5 tỷ đồng mà không phải 1,3 tỷ đồng như trong giấy giao tiền nếu như trước đó không có thỏa thuận với Bà Ng về số tiền 200 triệu đồng. Bà C khai nhận do Bà Ng cho mượn tài sản của con trai để thế chấp cho khoản vay 270 triệu đồng của Bà C nên khi Bà Ng bảo Bà H giữa lại 200 triệu đồng của Bà C thì coi như Bà Ng lấy lại phần tiền vay đối trừ đi với số tiền 270 triệu đồng thì Bà C chỉ nợ Bà Ng 70 triệu đồng nên khi Bà H bảo giữ lại cho Bà Ng 200 triệu đồng Bà C không có ý kiến gì. Tuy nhiên cả hai bên đều thừa nhận sau khi Bà Ng nhận số tiền 200 triệu đồng các bên không có sự thỏa thuận gì về việc đối trừ số tiền này với số tiền 270 triệu đồng, hai tháng đầu sau khi vay nợ là tháng 7 và tháng 8 năm 2017, Bà Ng có trả lãi hộ cho Bà C (BL200-204), còn sau đó cho đến khi tất toán với ngân hàng Bà C đều trả lãi của khoản vay 1,5 tỷ đồng. Khi tất toán với ngân hàng Bà C chỉ trả cho ngân hàng số tiền 1.230.000.000 đồng tương ứng với phần tài sản thế chấp của Bà C, Bà Ng trả cho ngân hàng số tiền 270 triệu đồng tương ứng với phần tài sản thế chấp của con trai Bà Ng, phần của ai người ấy thực hiện nghĩa vụ mà không có thỏa thuận gì. Sau khi tất toán xong khoản vay các bên cũng không đề cập gì với nhau về việc đối trừ khoản tiền 200 triệu đồng Bà Ng cầm của Bà C, cho đến khi Bà Ng khởi kiện đòi Bà C số tiền 270 triệu đồng thì Bà C mới biết số tiền 200 triệu đồng Bà Ng cầm không trả cho Bà C (BL 157). Lời khai của Bà Ng về số tiền 200 triệu đồng là tiền Bà Ng lấy nợ từ Bà C nên sau khi nhận xong số tiền này các bên không có ý kiến gì và không đề cập đến khoản tiền này là có căn cứ. Theo khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự 2016 không có căn cứ chứng minh Bà Ng đã chiếm giữ, sử dụng số tiền 200 triệu đồng của Bà C trái pháp luật để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà C về việc buộc Bà Ng phải trả cho Bà C số tiền 200 triệu đồng như kháng cáo của Bà C và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà C về việc yêu cầu Bà Ng phải trả cho Bà C số tiền 200 triệu đồng là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã không lưu thủ tục kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ vào trong hồ sơ vụ án dẫn đến việc thông báo thụ lý của cấp phúc thẩm thiếu thông báo kháng nghị của Viện kiểm sát sau này đã được cấp phúc thẩm phát hiện và yêu cầu bổ sung vào hồ sơ và thực hiện việc bổ sung thông báo thụ lý cho các đương sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ cũng không thực hiện việc tống đạt Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát cho bị đơn, tuy nhiên sai sót này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên yêu cầu Tòa án nhân dân

thành phố Điện Biên phủ và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án; Bà C phải chịu các loại án phí sau:

- Bà C phải chịu 10.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là: 5.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001896 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Bà C còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Bà C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0002126 ngày 10/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Lò Thị C, không chấp nhận toàn bộ kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên về việc sửa toàn bộ bản án sơ thẩm 04/2022/DS-ST ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên về xác định lại quan hệ tranh chấp và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên cụ thể như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lò Thị C về việc buộc bà Vũ Thị Ng có nghĩa vụ trả cho bà Lò Thị C số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lò Thị C phải chịu 10.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

dân sự đã nộp là: 5.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001896 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Bà C còn phải nộp tiếp số tiền là 5.000.000 đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lò Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo 0002126 ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (26/5/2023).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND TP Điện Biên Phủ;
- Chi cục THADS TP Điện Biên Phủ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, HCTP TAND tỉnh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Đỗ Thu Hương